ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRÊN NỀN TẢNG TRIẾT LÝ GIÁO DỤC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TSKH. Phạm Đỗ Nhật Tiến[1]

Tóm tắt: *Ở mọi quốc gia, triết lý giáo dục chính là tuyên ngôn ở tầm quốc gia về vị trí và vai trò, sứ mệnh và mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng phát triển của giáo dục. Ở nước ta, triết lý giáo dục dẫn dắt sự phát triển của giáo dục suốt 40 năm đổi mới vừa qua chính là những quan điểm cơ bản về giáo dục được quy định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giờ đây khi AI đang đụng đến những vấn đề nền tảng của giáo dục và các quốc gia đang tìm cách điều chỉnh, làm mới triết lý giáo dục thì vấn đề đặt ra là triết lý giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên mới là gì. Bài viết này chỉ ra rằng, dù triết lý giáo dục Việt Nam chưa được phát biểu tường minh, nhưng các Nghị quyết mới đây của Bộ Chính trị, từ NQ số 57 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến NQ số 80 về đổi mới phát triển văn hóa, đã xác lập một triết lý giáo dục để dẫn dắt tư duy, nhận thức, thể chế và hành động giáo dục trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Triết lý giáo dục này dù có sự hội tụ ở những điểm cốt lõi với các triết lý giáo dục được đề xuất bởi UNESCO và OECD, cũng là sự phát biểu tường minh của một triết lý đã được hun đúc trong lịch sử và văn hóa Việt Nam, được kiến tạo từ khát vọng vươn mình của đất nước, và được cập nhật cho những thách thức của kỷ nguyên AI.*

Từ khóa: *Triết lý giáo dục, kỷ nguyên mới, AI, đột phá phát triển, chuyển đổi giáo dục.*

1. MỞ ĐẦU

Trong hầu suốt thế kỷ XX, triết học giáo dục, với sự hình thành và phát triển của nhiều triết thuyết giáo dục, đã tạo cơ sở lý luận để các quốc gia xây dựng triết lý giáo dục phù hợp với bối cảnh cụ thể của đất nước, làm kim chỉ nam cho việc ban hành thể chế, chính sách, và tổ chức thực hiện giáo dục.

Bước sang thế kỷ XXI, dưới tác động sâu rộng của công nghệ thông tin, đặc biệt là những tác động đột phá của AI, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung, giáo dục nói riêng, nhiều vấn đề nền tảng của giáo dục đang được xem xét lại, khiến triết học giáo dục đứng trước yêu cầu bức thiết phải chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật, thậm chí là đổi mới.

Ở nước ta, trong tiến trình đổi mới giáo dục suốt 40 năm qua, với triết học giáo dục lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, triết lý giáo dục được thể hiện tập trung ở những tuyên bố về sứ mệnh, vị trí và vai trò của giáo dục trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Đó chính

---

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo.

là cơ sở để có sự phát triển nhất quán của Đảng về các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục, và của Nhà nước về thể chế, chính sách đổi mới giáo dục.

Giờ đây, bước vào kỷ nguyên mới của đất nước, giáo dục đứng trước yêu cầu đột phá để không chỉ tương xứng với vị trí quốc sách hàng đầu mà còn để thực thi vai trò quyết định tương lai dân tộc. Bước chuyển từ đổi mới giáo dục sang đột phá phát triển sẽ là một tiến trình phức tạp, khó khăn, nhiều thách thức, và vì thế rất cần sự dẫn dắt của một triết lý giáo dục phù hợp.

Bài viết này muốn tìm khuôn khổ cho một triết lý giáo dục của Việt Nam trong bối cảnh ngày nay thông qua việc trả lời các câu hỏi sau: 1) Những vấn đề đặt ra cùng sự phát triển của triết học giáo dục trong những năm gần đây là gì dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là sự phát triển của AI; 2) Với sự phát triển của triết học giáo dục trong kỷ nguyên AI, xu thế toàn cầu trong triết lý giáo dục có những đặc trưng gì; 3) Triết lý giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên mới của đất nước đã được thể hiện như thế nào qua các nghị quyết của Bộ Chính trị để vừa dẫn dắt tiến trình đột phá phát triển giáo dục, vừa đồng bộ với xu thế tích cực toàn cầu.

Để trả lời các câu hỏi trên, bài viết này sử dụng phương pháp định tính trên cơ sở hồi cứu tư liệu, với sự trợ giúp của AI tạo sinh.

2. AI TRONG GIÁO DỤC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI TRIẾT HỌC GIÁO DỤC

Giờ đây, khi mà AI tạo sinh tham gia vào công việc tri thức không phải như một công cụ mà thực sự như một "đồng đội điều khiển học" (cybernetic teammate), có khả năng đem lại nhiều lợi ích như một đồng đội trong hoạt động hợp tác, bao gồm cải thiện hiệu năng công việc, phá vỡ các rào cản chuyên môn để đưa ra các giải pháp liên ngành, thậm chí có thể thực hiện một phần vai trò xã hội và truyền cảm hứng vốn do các đồng đội con người đảm nhiệm (Dell'Acqua và cộng sự, 2025) thì AI không chỉ đặt ra những thách thức ứng dụng cho giáo dục mà còn chạm đến những tiền đề bản thể luận và nhận thức luận sâu nhất của triết học giáo dục: *con người là ai, tri thức là gì, học là gì, và giáo dục phục vụ cho điều gì.*

2.1. Giáo dục là gì khi tri thức không còn là đặc quyền của con người?

Trong suốt lịch sử, một trong những tiền đề bền vững nhất của triết học giáo dục - từ Plato đến Dewey, từ chủ nghĩa nhân văn đến chủ nghĩa kiến tạo - là xem giáo dục như một quá trình truyền thụ và tái tạo tri thức từ thế hệ này sang thế hệ khác, với con người là chủ thể duy nhất của quá trình đó. AI đang phá vỡ tiền đề này: khi một mô hình ngôn ngữ lớn có thể tổng hợp, lý giải,

thậm chí sáng tạo tri thức thì câu hỏi đặt ra là giáo dục còn là gì xét về phương diện nhận thức luận.

Điều này buộc triết học giáo dục tìm câu trả lời qua việc tách biệt các khái niệm thông tin (information), tri thức (knowledge) và minh triết (wisdom) - một phân biệt mà các trường phái truyền thống chưa bao giờ phải đẩy đến tận cùng như vậy.

2.2. Giáo dục là gì khi việc học không còn là hoạt động của riêng con người?

Khi trả lời câu hỏi trong hoạt động giáo dục thì ai dạy, ai học, các triết thuyết giáo dục truyền thống đều có câu trả lời mặc định đó là con người. Nhưng khi mà AI tạo sinh tham gia vào hoạt động tri thức cả học (machine learning) và dạy thì học và dạy không còn là thuật ngữ dành riêng cho con người. Điều này không chỉ là vấn đề ngôn ngữ học mà còn là vấn đề bản thể luận: nếu máy cũng học, cũng dạy được, thì cái gì là đặc thù trong việc dạy và việc học của con người? Đây là câu hỏi mà các trường phái triết học giáo dục truyền thống như chủ nghĩa hành vi (behaviorism) hay chủ nghĩa nhận thức (cognitivism) chưa có câu trả lời thỏa đáng.

2.3. Rốt cuộc mục tiêu của giáo dục là gì?

Các triết thuyết giáo dục truyền thống có những câu trả lời khác nhau về mục tiêu của giáo dục, bao gồm một dải rộng từ mục tiêu xã hội và công dân đến mục tiêu kinh tế, mục tiêu nhân văn; từ việc rèn luyện trí năng để theo đuổi sự thật tuyệt đối (thuyết vĩnh cửu), chuẩn bị cho học sinh một hành trang thiết thực để bước vào đời (thuyết tiến bộ), khuyến khích mỗi cá nhân tự hoàn thiện bản thân trong suốt cuộc đời (thuyết nhân văn), đến việc coi giáo dục là sự chuyển giao di sản văn hóa (thuyết bản chất), giáo dục phải làm cho nhà trường trở thành tác nhân chính cho các thay đổi xã hội (thuyết tái thiết), v.v.

Tuy nhiên, với việc sử dụng AI trong giáo dục khiến mô hình "lấy con người làm trung tâm" chuyển dịch sang "lấy dữ liệu và thuật toán làm trung tâm", mọi câu trả lời đều có ngay trong tầm tay, việc cá nhân hóa học tập chuyển từ thấu hiểu tâm lý người học sang khai thác dữ liệu và tối ưu hóa thuật toán, quan hệ tương tác thày-trò dần nhường chỗ cho quan hệ tương tác người-máy, sự đa dạng văn hóa bị đẩy lùi bởi các thuật toán mang thiên kiến, thì các mục tiêu vốn được coi là cốt lõi của giáo dục bị thách thức nghiêm trọng.

2.4. Quy trình giáo dục liệu có còn như cũ?

Dù rằng quan niệm về mục tiêu giáo dục là khác nhau nhưng các triết thuyết giáo dục truyền thống đều mặc định coi giáo dục được thực hiện theo một quy trình tuyến tính dưới sự dẫn dắt của người dạy để người học tiến từng bước theo

thang nhận thức Bloom. Việc sử dụng AI trong giáo dục đã không chỉ làm thay đổi vai trò người thày mà còn làm đảo lộn quy trình giáo dục thành phi tuyến, trong đó hình thành quan hệ tương tác ba bên, gồm người dạy, người học và AI, khiến việc dạy và học không còn là một đường thẳng đi từ đáy lên đỉnh, mà biến thành một vòng lặp tương tác giữa người và AI, nơi ranh giới giữa các bậc nhận thức bị thay đổi sâu sắc và thang Bloom cũng đã được điều chỉnh lại (Aziz và cộng sự, 2025; Farakish & Chae, 2026).

2.5. Cuối cùng cái gì là đặc thù của trí tuệ con người cần phát huy trong giáo dục?

Đây là câu hỏi mà các triết thuyết giáo dục truyền thống chưa bao giờ phải đặt ra. Nếu căn cứ vào các bậc đánh giá nhận thức theo kết quả đầu ra của thang Bloom thì AI hơn hẳn con người ở khả năng "Ghi nhớ" và "Xử lý thông tin" vô hạn, năng lực "Vận dụng" siêu tốc (bậc 3 thang Bloom), khả năng sáng tạo hàng nghìn bức tranh, bài tổng luận, hoặc bản thiết kế khác nhau chỉ trong một phút (bậc cao của thang Bloom). Còn nếu xét theo mức độ thấu hiểu và làm chủ bản chất sự vật của nhận thức theo thang phân loại DIKW (Data-dữ liệu, Information-thông tin, Knowledge-tri thức, Wisdom-minh triết) thì vị trí hiện nay của AI chỉ ở đáy tháp (xử lý dữ liệu và thông tin). Trí tuệ con người vượt trội ở cấp độ tri thức (nơi đòi hỏi sự tin tưởng có căn cứ và trải nghiệm cá nhân), và ở cấp độ minh triết (nơi trí tuệ đòi hỏi sự thấu cảm, các giá trị đạo đức, khả năng phê phán và đưa ra quyết định trong bối cảnh xã hội phức tạp).

Vậy là việc sử dụng AI trong giáo dục đã đụng đến những vấn đề nền tảng của triết học giáo dục, buộc các triết thuyết giáo dục truyền thống phải chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật. Cùng với đó là sự hình thành một *triết thuyết giáo dục mới* là thuyết hậu nhân văn (Morales & Zarabadi, 2024) theo đó mô hình nhị nguyên truyền thống với sự phân định con người/máy móc, sinh học/công nghệ, cá nhân/tập thể, trong trường/ngoài trường, chính quy/phi chính quy phải được thay thế bởi mô hình đa quan hệ, phá bỏ các ranh giới, với sự gắn bó mật thiết của con người với môi trường, công nghệ và xã hội. Ngoài ra, trong triết học giáo dục, còn có một phân nhánh *chuyên về triết học AI trong giáo dục* (Hossain & Islam, 2024).

Tuy nhiên, có một đường chỉ đỏ xuyên suốt những nỗ lực làm mới triết học giáo dục đương đại, đó là sự dịch chuyển từ câu hỏi "biết gì và làm được gì" sang câu hỏi "trở thành ai và sống như thế nào" - một sự dịch chuyển đưa triết học giáo dục trở về gần hơn với nguồn gốc cổ đại từ triết học của Plato và Aristotle, đến

triết học cổ đại Châu Phi[1], triết học Nho giáo[2], triết học Phật giáo[3].

Theo tinh thần đó, UNESCO và OECD đã có đóng góp quan trọng khi đề xuất các triết lý giáo dục được nghiên cứu công phu, tạo tham chiếu cho từng quốc gia tham khảo, vận dụng trong việc xác lập triết lý giáo dục quốc gia để định hướng cho sự chuyển đổi giáo dục của mình.

3. UNESCO VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC LÀ TÀI SẢN CHUNG CỦA NHÂN LOẠI

Báo cáo *"Cùng hình dung lại các tương lai: Một khế ước xã hội mới về giáo dục"* của UNESCO (2021) cùng chương trình hành động "Chuyển đổi giáo dục" được Tổng Thư ký Liên hợp quốc phát động tại Hội nghị Thượng đỉnh Chuyển đổi giáo dục tháng 9/2022 thực chất là *những tuyên ngôn triết học-chính trị* nhằm xác lập một triết lý mới về giáo dục trong bối cảnh nhiều cơ hội kèm đầy thách thức ngày nay.

Triết lý này xác lập những quan điểm triết học cơ bản có liên quan đến vị trí và vai trò của giáo dục, sứ mệnh và mục tiêu của giáo dục, nhiệm vụ và định hướng phát triển giáo dục. Cụ thể như sau:

3.1. Sự chuyển dịch vị trí và vai trò của giáo dục

Mặc dù các triết thuyết truyền thống đều nhìn nhận giáo dục ở góc độ phát triển con người, nhưng hầu suốt thế kỷ XX, dưới tác động của lý thuyết vốn con người (human capital), các chính phủ đều nhìn giáo dục như là sự chuẩn bị con người cho thị trường lao động, xem giáo dục như một khoản đầu tư của cá nhân và xã hội vì lợi ích kinh tế. UNESCO bác bỏ mạnh mẽ quan điểm này, khẳng định giáo dục không phải hàng hóa, không phải dịch vụ khả mại, không phải đầu tư tư nhân. Vị trí và vai trò của giáo dục là ở chỗ:

Thứ nhất, giáo dục là chìa khóa để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực con người. *Quyền này phải được bảo đảm suốt đời, thông qua một hệ thống giáo dục suốt đời có chất lượng*.

Thứ hai, giáo dục là nỗ lực công (public endevear) đòi hỏi sự đầu tư của nhà nước, đồng thời là lợi ích chung (common good) theo nghĩa giáo dục thuộc về tất

---

[1] Triết học cổ đại Châu Phi, dưới tên gọi Ubuntu, được Tóm tắt trong mệnh đề "I am because we are" (Tôi là bởi vì chúng ta là), hàm ý sự phát triển cá nhân không thể tách rời sự phát triển cộng đồng.

[2] Theo Nho giáo, giáo dục có mục đích xây dựng sự đồng cảm và lòng trắc ẩn, tích hợp khả năng của cả cá nhân và tập thể để phục vụ cộng đồng.

[3] Trong Phật giáo không có cái tôi cá nhân. Mục tiêu của giáo dục là vượt qua tham, sân, si, bao gồm lòng tham lam ích kỷ, sự giận dữ, sự mê muội/vô minh; hướng con người đến lối sống tỉnh thức, đạo đức, và từ bi đối với tất cả chúng sinh và môi trường tự nhiên.

cả và có trách nhiệm với tất cả, đòi hỏi sự tham gia, hợp tác và đồng kiến tạo của mọi thành phần xã hội (Locatelli, 2023; Nóvoa, 2023).

3.2. Sứ mệnh và mục tiêu của giáo dục: Kiến tạo tương lai bền vững, hòa bình và công bằng

Theo UNESCO, tầm nhìn hạn hẹp về sứ mệnh và mục tiêu của giáo dục nhằm đáp ứng các thành tích cá nhân và khả năng cạnh tranh kinh tế trong khế ước xã hội cũ cần phải được thay thế bằng tầm nhìn mới về sứ mệnh và mục tiêu của giáo dục, gắn liền với một quan niệm mới về bản chất con người.

Với việc chiêm nghiệm các triết học cổ đại, UNESCO cho rằng trong thế giới ngày nay, con người không phải là một cá nhân tự tại và tự chủ mà là *một hữu thể tương liên* (relational being): con người tồn tại trong và thông qua các mối quan hệ - với người khác, với cộng đồng, với thiên nhiên, với các thế hệ quá khứ và tương lai.

Vì thế, sứ mệnh của giáo dục là giúp mọi người đoàn kết xung quanh các nỗ lực tập thể và cung cấp kiến thức cùng sự đổi mới cần thiết để định hình tương lai bền vững và hòa bình cho tất cả mọi người dựa trên công lý xã hội, kinh tế và môi trường (Rahman & Cochrane, 2023; Houlden & Veletsianos, 2024). Mục tiêu của giáo dục là phát triển toàn diện con người, một hữu thể tương liên, trong mối quan hệ hạnh tồn giữa người với người, với hành tinh và với công nghệ (Sharma & Sayed, 2024; Jo, 2023).

3.3. Nhiệm vụ và định hướng phát triển giáo dục: Chuyển đổi hệ sinh thái giáo dục góp phần chuyển đổi thế giới theo hướng công bằng hơn, hòa bình hơn và bền vững hơn

Khái niệm trung tâm hướng tới hành động trong báo cáo của UNESCO là khái niệm *chuyển đổi* được cụ thế hóa tại Hội nghị thượng đỉnh về chuyển đổi giáo dục.

Chuyển đổi giáo dục có nghĩa là chuyển từ hệ thống giáo dục truyền thống, bị động thích ứng với các yêu cầu của một thế giới đang thay đổi, sang một hệ sinh thái giáo dục, không chỉ *chủ động* đáp ứng các yêu cầu mới của bối cảnh, mà còn *tác động trở lại* để góp phần chuyển đổi thế giới.

Hành động chuyển đổi có thể bao gồm từ những cải tiến từng bước, quy mô nhỏ đến những thay đổi hệ thống lớn hơn nhằm phù hợp hơn với bối cảnh thực tế độc đáo của mỗi quốc gia. Các quốc gia không chỉ có những lĩnh vực ưu tiên khác nhau mà còn có những điều kiện kinh tế và văn hóa xã hội khác nhau ảnh hưởng đến việc ra quyết định trong hành trình chuyển đổi giáo dục (UNESCO, 2024).

Vì thế, xét ở góc độ quốc gia, chuyển đổi giáo dục là một tiến trình lâu dài, không có một mô hình chung để theo đuổi, mà chỉ có một mục đích chung cần

hướng tới. Đó là đổi mới hệ thống giáo dục hiện có để hình thành một hệ sinh thái giáo dục chất lượng hơn, hiệu quả hơn, công bằng hơn, bình đẳng hơn, không ai bị bỏ lại phía sau.

4. OECD VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÌ SỰ HƯNG THỊNH CỦA CON NGƯỜI (HUMAN FLOURISHING)

Bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, OECD triển khai từ năm 2015 dự án mang tên *Tương lai của giáo dục và kỹ năng 2030/2040* nhằm cung cấp một *La bàn học tập* giúp mọi người học, bất kể tuổi tác hay xuất thân, đều có thể phát triển toàn diện, phát huy hết tiềm năng của mình và tham gia định hình một tương lai hạnh tồn (wellbeing) cho cá nhân, cộng đồng và hành tinh, trong một hệ thống giáo dục đã khác trước, một hệ thống giáo dục không còn độc lập nữa mà là bộ phận hữu cơ của một hệ sinh thái rộng lớn tác động lên giáo dục và chịu sự tác động của giáo dục.

Tuy nhiên, trước những tác động sâu sắc của AI đang định hình lại giáo dục thì câu hỏi đặt ra là liệu một la bàn cùng các công cụ kèm theo có đủ cho sự phát triển của người học. Vì thế, bổ sung cho các báo cáo liên quan đến dự án Tương lai của giáo dục và kỹ năng 2030/2040, OECD đã công bố báo cáo *Khung lý luận về giáo dục vì sự hưng thịnh của con người* (Education for Human Flourishing: A Conceptual Framework, OECD 2025) nhằm làm rõ hơn sứ mệnh và mục tiêu của giáo dục trong kỷ nguyên AI.

Có thể nói các báo cáo của OECD là một *hành trình triết học liên tục* và có hướng đích rõ ràng, nhằm dần thoát khỏi mô hình thống trị trong nhiều thập kỷ để xây dựng một nền tảng triết lý mới.

4.1. Giáo dục là không gian tối thượng để bảo vệ và phát triển tính người

Cũng như UNESCO, OECD từ bỏ quan niệm về hệ thống giáo dục truyền thống được định hình theo cuộc cách mạng công nghiệp của thế kỷ XX. Đó là hệ thống giáo dục dựa theo lý thuyết "vốn con người", gắn với cạnh tranh, thi cử, bất công, khủng hoảng sức khỏe tinh thần của người dậy, người học. Cần chuyển quan niệm hẹp giáo dục là sự chuẩn bị con người cho thị trường lao động sang quan niệm rộng giáo dục là sự chuẩn bị con người cho cuộc sống hạnh tồn, có ý nghĩa và trọn vẹn, gắn với hợp tác, đoàn kết, phát triển toàn diện, công bằng xã hội và bền vững sinh thái.

Đó là giáo dục với vị trí và vai trò như sau:

- Cung cấp cơ hội và sự thỏa mãn cho tất cả mọi người, tôn trọng và nuôi dưỡng nhiều thế mạnh khác nhau, từ mối quan tâm lẫn nhau đến đổi mới, sáng tạo;

- Trang bị cho mọi người khả năng thiết kế và thiết lập các mô hình kinh tế, mô hình xã hội và mô hình tổ chức kế tiếp;

- Cung cấp những cách nhìn, cảm nhận và diễn giải mới về thế giới, theo cách dung hòa các niềm tin và giá trị khác nhau, xây dựng lại ý nghĩa và mục đích cuộc sống, và khôi phục sự hạnh tồn.

4.2. Sứ mệnh và mục tiêu của giáo dục: bảo đảm sự hưng thịnh con người trong mối gắn kết với sự hưng thịnh kinh tế, hưng thịnh xã hội, bền vững hành tinh

Giáo dục vì sự hưng thịnh con người được OECD phát triển và tích hợp từ các triết lý hưng thịnh đời sống của Aristotle, đến triết lý về sự quan tâm lẫn nhau trong Phật giáo, Nho giáo và Ubuntu. Sự phát triển này nhằm làm rõ sứ mệnh của giáo dục trong bối cảnh ngày nay là mở rộng và cân bằng lại năng lực của con người, khôi phục ý nghĩa cho cuộc sống và tạo ra những mô hình giáo dục công bằng và bền vững cho tương lai, nhờ vậy sẽ đem lại cơ hội tốt nhất để khai thác, phát huy và kiểm soát bước tiến của công nghệ, đặc biệt là AI, trước mắt và lâu dài (D'Olimpio & de Ruyter, 2025; Singh và cộng sự, 2025).

Giáo dục vì sự hưng thịnh con người là bước chuyển về chất từ mô hình con người công cụ sang mô hình con người như cứu cánh tự thân. Trong mô hình này *sự hưng thịnh con người nghĩa là sự phát triển toàn diện của người học để cá nhân người đó sống và làm việc trong sự hạnh tồn, thành công, có ý nghĩa, và gắn kết với sự hưng thịnh kinh tế, hưng thịnh xã hội, bền vững môi trường* (Olson, 2025).

Như vậy, mục tiêu của giáo dục theo tiếp cận của OECD là nuôi dưỡng trong mỗi người học một loạt các năng lực đặc biệt của con người, giúp người học không chỉ phát triển mạnh mẽ với tư cách cá nhân mà còn đóng góp vào sự thịnh vượng của xã hội và nền kinh tế, hài hòa với hành tinh (OECD, 2025).

Giờ đây, khi mà trí tuệ nhân tạo tạo sinh đã có bước tiến mới sang trí tuệ nhân tạo tác nhân (Agentic AI) với khả năng tự động hóa hành động, tự lập kế hoạch và thực hiện các quy trình phức tạp để đạt mục tiêu mà không cần con người chỉ dẫn từng bước, thì giáo dục vì sự hưng thịnh con người, với mục tiêu nêu trên, chính là mô hình cần thiết để con người vẫn làm chủ và nắm quyền kiểm soát trong thế giới trí tuệ nhân tạo.

4.3. Nhiệm vụ và định hướng phát triển giáo dục: Chuyển đổi giáo dục là một quá trình tiến hóa, bắt đầu từ chuyển đổi người học, người dạy và các nhà quản lý giáo dục

Cũng như UNESCO, triết lý giáo dục vì sự hưng thịnh con người của OECD đòi hỏi một sự chuyển đổi giáo dục. Tuy nhiên đây không phải là một chuyển đổi mang tính cách mạng mà là sự chuyển đổi *mang tính tiến hóa*, mà bước tiến hóa đầu tiên là sự chuyển đổi của con người, bao gồm người học, người dạy, người quản lý giáo dục.

Đối với người học, giáo dục vì sự hưng thịnh con người đặt trọng tâm vào một bộ *năm năng lực mới* mà người học cần có để phát huy quyền tự quyết (agency) trong việc ra quyết định hành động có chủ đích, có trách nhiệm, có đạo đức, đóng góp vào sự phát triển của thế giới hiện tại, đồng thời định hình một tương lai tốt hơn với sự phát triển của công nghệ theo hướng có lợi cho nhân loại.

Năm năng lực mới này bao gồm: năng lực giải quyết vấn đề thích ứng (adaptive problem solving); năng lực lập luận có đạo đức (ethical reasoning); năng lực hiểu biết thế giới; năng lực trân trọng thế giới; và năng lực hành động trong thế giới.

Mối quan hệ giữa các năng lực này là như sau. Ở vị trí trung tâm là *năng lực hành động trong thế giới*, bao gồm việc tạo dấu ấn riêng của mình lên môi trường bên ngoài trên cơ sở tìm ra mục đích sống, xác định ý đồ và thực hiện các hoạt động. Điều này kéo theo sự cần thiết của hai năng lực: thứ nhất là *năng lực giải quyết vấn đề thích ứng*, tức năng lực đưa ra những lựa chọn đúng đắn trong nhiều tình huống thực tế phức tạp, đòi hỏi vận dụng sáng tạo những gì đã học, dựa trên tư duy bậc cao và kỹ năng ra quyết định; thứ hai là *năng lực lập luận có đạo đức*, tức năng lực lựa chọn, đánh giá, ra quyết định trên cơ sở kết hợp sự khiêm nhường về trí tuệ với khả năng cân bằng các quan điểm, góc nhìn và bối cảnh đa dạng, hướng tới lợi ích chung.

Hành động trong thế giới là năng lực trung tâm trong bộ ba năng lực riêng biệt giúp con người tìm thấy ý nghĩa trong cuộc sống. Hai năng lực còn lại là *Hiểu biết thế giới*, theo cách dung hòa các quan điểm thế giới trái ngược nhau, và *Trân trọng thế giới,* từ việc cảm nhận cái đẹp của thiên nhiên, cái cao cả của lòng trắc ẩn, đến sự trân trọng cái hoàn mỹ, cuộc sống, cái siêu việt.

Các năng lực này bắt nguồn từ việc trả lời các câu hỏi con người là ai, ở đâu và sống để làm gì trong thế giới đang được tái định hình bởi AI. Việc trả lời các câu hỏi này qua các năng lực trên chính là sự cụ thể hóa về *việc theo đuổi các phẩm chất vĩnh hằng về chân, thiện, mỹ của con người trong thế giới ngày nay* (Gardner, 2011).

Việc chuyển đổi người học hướng tới các năng lực nêu trên đòi hỏi có sự chuyển đổi tương ứng đối với nhà giáo và nhà quản lý giáo dục. Theo đó, các nhà quản lý cần có năng lực trong việc khởi động lại mục tiêu giáo dục, điều phối hệ sinh thái, ủng hộ sự công bằng, tư duy hệ thống, lãnh đạo và quản lý đổi mới cũng như phát triển năng lực hành động. Nhà giáo cần có năng lực trong việc tạo điều kiện cho học tập sâu (deep learning), đồng thiết kế chương trình giảng dạy, điều phối đánh giá và kỹ năng sử dụng công nghệ số, với tư cách là chuyên

gia trong lĩnh vực, người thiết kế việc học, người hướng dẫn, người hỗ trợ, người truyền động lực, huấn luyện viên, người cố vấn và hình mẫu.

5. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới, hùng mạnh, thịnh vượng, sánh vai các cường quốc năm châu. Kỷ nguyên này được định hình trên cơ sở một hệ thống các nghị quyết của Bộ Chính trị, bao gồm NQ số 57 về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; NQ số 59 về hội nhập quốc tế; NQ số 66 về đổi mới xây dựng và thi hành pháp luật; NQ số 68 về phát triển kinh tế tư nhân; NQ số 71 về đột phá phát triển giáo dục; NQ số 72 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; NQ số 79 về phát triển kinh tế nhà nước; NQ số 80 về phát triển văn hóa.

Các nghị quyết của Bộ Chính trị tạo ra *bốn trục phát triển mang tính chiến lược*. Thứ nhất là trục khoa học và công nghệ với NQ số 57; thứ hai là trục kinh tế với NQ số 68 và NQ số 79; thứ ba là trục hội nhập quốc tế với NQ số 59; thứ tư là trục văn hóa-con người với NQ số 72 và NQ số 80.

NQ số 66 đóng vai trò nền tảng cho việc thể chế hóa các NQ đó. NQ số 71 đóng vai trò *trung tâm* trong việc cung cấp nhân lực để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển.

Như vậy, hệ thống các nghị quyết này tạo thành *một khung tư tưởng - chính trị tổng thể,* trong một tiếp cận hệ thống, xác lập tất cả các chiều kích cơ bản cấu thành triết lý phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Vì vậy, bài viết này cho rằng, mặc dù triết lý giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên mới chưa được phát biểu tường minh, nhưng hệ thống các nghị quyết nói trên, đặc biệt là NQ số 71, đã xác lập một triết lý giáo dục để dẫn dắt tư duy, nhận thức, thể chế và hành động giáo dục trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

5.1. Vị trí và vai trò của giáo dục: Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc

Quan điểm phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu đã được quy định từ sớm, trong Hiến pháp 1992, và được nhắc lại trong Hiến pháp 2013. Chỉ có điều cho đến trước NQ số 71 của Bộ Chính trị thì giáo dục chưa bao giờ thực sự là quốc sách hàng đầu. Sự đột phá là ở NQ số 71, khi NQ số 71 đặt phát triển giáo dục trong tư duy quản trị quốc gia, quản trị xã hội; đưa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục thành trọng tâm trong chiến lược, quy hoạch, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển trên các lĩnh vực và ưu tiên nguồn lực thực hiện; có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục.

Bước phát triển tiếp theo trong nhận thức là quan điểm *giáo dục đóng vai trò quyết định tương lai dân tộc*. Điều đó đòi hỏi giáo dục phải sẵn sàng cho tương lai. Đây là yêu cầu đã và đang được đặt ra cho mọi hệ thống giáo dục trên thế giới để bảo đảm cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực có khả năng thích ứng và đáp ứng kịp thời với các đòi hỏi mới không ngừng gia tăng của một bối cảnh kinh tế-xã hội biến động và bất định.

Nhìn từ góc độ hệ thống các nghị quyết của Bộ Chính trị thì vị trí và vai trò nói trên của giáo dục được thể hiện ở vị trí và vai trò trung tâm của giáo dục trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển. Giáo dục vừa là hạ tầng cốt lõi cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Nghị quyết số 57, 71), vừa là chìa khóa mở cửa hội nhập quốc tế và xây dựng nhà nước pháp quyền (Nghị quyết số 59, 66), vừa là khâu đột phá chiến lược trong phát triển nhanh nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, bền vững môi trường (Nghị quyết số 68, 79, 80).

Giáo dục chính là đòn bẩy trong việc thực hiện đổi mới mô hình phát triển đất nước dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

5.2. Sứ mệnh và mục tiêu giáo dục: Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trên cơ sở xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất, năng lực, trình độ, sức khỏe

Sứ mệnh của giáo dục Việt Nam đã được quy định trong Hiến pháp, đó là nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Với cách phát biểu này, sứ mệnh của giáo dục đặt trong tâm vào nhiệm vụ của giáo dục đối với xã hội, đáp ứng yêu cầu về dân trí, nhân lực, nhân tài trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Đó là nhận thức về sứ mệnh giáo dục phù hợp với xu thế chung toàn cầu trong suốt thời gian qua khi mà lý thuyết vốn con người chi phối các mô hình phát triển giáo dục.

Bước vào kỷ nguyên mới, với xu thế nâng cao nhận thức về sứ mệnh giáo dục theo tinh thần *giáo dục có sứ mệnh kép* - đối với người học và đối với xã hội - trong mối tương quan bình đẳng và thống nhất thì *giáo dục có sứ mệnh, không chỉ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội về dân trí, nhân lực, nhân tài, mà còn là, và nhiều khi chính là, phát triển nhân cách cho mỗi cá nhân* để người học trở thành chủ thể trong việc kiến tạo đời sống của bản thân cũng như trong đóng góp cho sự phát triển của đất nước (Dung, 2025; Fang & Xiang, 2026; Nguyen A và cộng sự, 2025).

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, các Nghị quyết số 71 và 80 của Bộ Chính trị, đã làm rõ điều này khi yêu cầu phát triển nhanh nguồn nhân lực phải gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam.

Vì vậy cùng với nhận thức mới về sứ mệnh của giáo dục là nhận thức mới về mục tiêu của giáo dục. Cho đến Luật giáo dục 2019, mục tiêu giáo dục là phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Mục tiêu này nhất quán với quan niệm cũ về sứ mệnh của giáo dục khi con người được quan niệm chủ yếu là phương tiện của sự phát triển kinh tế xã hội.

Với việc nhận thức lại sứ mệnh giáo dục như nêu trên, mục tiêu giáo dục cũng cần được nhận thức lại để bảo đảm rằng con người, với tư cách là sản phẩm của giáo dục, không chỉ là phương tiện hoặc động lực, mà *chủ yếu là mục tiêu của sự phát triển kinh tế-xã hội*. Theo tinh thần đó, NQ số 80 của Bộ Chính trị đã yêu cầu mọi hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học phải đặt trọng tâm vào xây dựng nhân cách con người Việt Nam, giúp con người nâng cao trí tuệ, tự hoàn thiện nhân cách, hình thành thế giới quan khoa học, hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ.

Vì thế, mục tiêu của giáo dục trong kỷ nguyên mới phải là phát triển toàn diện con người Việt Nam trên nền tảng hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam (yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo) để mỗi cá nhân người học sống và làm việc thành công và có ý nghĩa đối với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội (Hoa và cộng sự, 2025; Pham, 2025; Uoc et al., 2023). Giáo dục hướng tới việc định hình những con người Việt Nam vừa có năng lực theo kịp bước tiến của công nghệ, vừa có thế giới quan nhân văn, lòng yêu nước, đạo đức và các giá trị cốt lõi về con người, gia đình, văn hóa.

5.3. Nhiệm vụ và định hướng phát triển giáo dục: Kiến tạo và đột phá phát triển giáo dục của đổi mới sáng tạo và vì đổi mới sáng tạo

Theo tinh thần NQ số 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thì giáo dục Việt Nam đã trên hành trình chuyển đổi từ hơn 10 năm nay. Đó là sự chuyển đổi từ một hệ thống giáo dục khép kín và hư học sang hệ thống mở, linh hoạt, liên thông, thực học, thực nghiệp, học tập suốt đời.

Các NQ mới đây của Bộ Chính trị tiếp tục làm rõ hơn sự chuyển đổi này. Trước hết, NQ số 57 chỉ ra một chuyển đổi quan trọng là giáo dục phải là nền tảng cốt lõi của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia; đòi hỏi giáo dục phải là giáo dục của đổi mới sáng tạo và vì đổi mới sáng tạo, nghĩa là giáo dục phải đáp ứng nhu cầu đổi mới sáng tạo và phát huy sức mạnh của đổi mới sáng tạo xuyên suốt sứ mệnh phát triển con người Việt Nam về dân trí, nhân lực, nhân tài. Tiếp nữa NQ số 71 yêu cầu kiến tạo và đột phá phát triển, chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và AI trong giáo dục. Đặc biệt NQ số 80 đã nhấn mạnh phát triển văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh quan

trọng, động lực to lớn, trụ cột, hệ điều tiết định hướng toàn bộ sự phát triển, bao gồm cả phát triển kinh tế, công nghệ, và giáo dục.

Vì thế, để khai thác thành công các cơ hội, vượt qua các thách thức, nhiệm vụ và định hướng phát triển giáo dục trong kỷ nguyên mới là: Kiến tạo và đột phá phát triển giáo dục của đổi mới sáng tạo và vì đổi mới sáng tạo; hướng tới xây dựng và tổ chức thực hiện thành công một hệ sinh thái giáo dục số, mở, linh hoạt, liên thông, thực học, thực nghiệp, đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời, trong đó con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực quan trọng nhất của sự phát triển.

6. KẾT LUẬN

Bài viết này cho thấy có thể phát biểu tường minh triết lý giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên mới như sau:

"Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc. Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trên cơ sở xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới có lòng yêu nước, khát vọng kiến tạo và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất, năng lực, trình độ, sức khỏe. Kiến tạo và đột phá phát triển giáo dục của đổi mới sáng tạo và vì đổi mới sáng tạo; hướng tới xây dựng và tổ chức thực hiện thành công một hệ sinh thái giáo dục số, mở, linh hoạt, liên thông, thực học, thực nghiệp, đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời, trong đó con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực quan trọng nhất của sự phát triển".

Triết lý giáo dục này kế thừa triết lý giáo dục trước đây đã được quy định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011); đồng thời được phát triển phù hợp với yêu cầu về con người và nhân lực trước đòi hỏi của đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với trọng tâm là hiện thực hóa hai mục tiêu chiến lược 100 năm.

Triết lý này cũng hội tụ với triết lý giáo dục của UNESCO và OECD khi lấy việc xây dựng con người mới, giáo dục sẵn sàng cho tương lai, xã hội công bằng và phát triển bền vững làm trọng tâm. Triết lý này có phần gần với cách tiếp cận của OECD khi đề cập đến những phẩm chất và năng lực mới mà người học phải có trong bối cảnh ngày nay; và đặc biệt gần với cách tiếp cận của UNESCO khi nhấn mạnh đến quyền con người trong học tập suốt đời và trách nhiệm con người trong góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, triết lý giáo dục Việt Nam có ba điểm đặc sắc sau đây. Thứ nhất, triết lý Việt Nam là triết lý hành động hướng tới xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới; thứ hai, triết lý này đặt giáo dục trong bối cảnh văn hóa dân tộc như

một hệ thống điều tiết sống động; thứ ba, triết lý này đề cao truyền thống hiếu học như nguồn lực nội sinh cần khai thác và phát triển có ý thức.

Vì vậy, triết lý giáo dục Việt Nam không phải là sự vay mượn từ UNESCO hay OECD, dù nó hội tụ với cả hai ở những điểm cốt lõi, mà là sự phát biểu tường minh của một triết lý đã được hun đúc trong lịch sử và văn hóa Việt Nam, được kiến tạo từ khát vọng vươn mình của đất nước, và được cập nhật trước những biến đổi lớn của thời đại, đặc biệt là AI.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất mà bài viết này muốn gợi ý là: cuộc đối thoại về triết lý giáo dục không kết thúc ở đây, nó chỉ mới bắt đầu. Triết lý giáo dục được đề xuất cần được tiếp tục tranh luận, bổ sung và điều chỉnh qua nghiên cứu học thuật, đối thoại chính sách, và phản hồi từ thực tiễn giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aziz, G. và cộng sự. 2025. Bloom's taxonomy revisited in the age of Artificial Intelligence. *International Journal of scientific research and innovative studies, Volume 4, Number 6, 23-32.*
2. D'Olimpio, L. & de Ruyter, D. 2025. Flourishing as an educational aim. *Journal of Philosophy of Education, Vol 59, 626-633.*
3. Dell'Acqua, Fabrizio, Charles Ayoubi, Hila Lifshitz, Raffaella Sadun, Ethan Mollick, Lilach Mollick, Yi Han, Jeff Goldman, Hari Nair, Stew Taub, and Karim R. Lakhani. 2025. The Cybernetic Teammate: A Field Experiment on Generative AI Reshaping Teamwork and Expertise. *Harvard Business School Working Paper, No. 25-043, March 2025.*
4. Dung, B. X. 2025. Confucius's Pragmatic Educational Philosophy: Insights for Holistic Innovation in Vietnamese Education in the Digital Era. *Griot: Revista de Filosofia, Vol 25, No 2, 58-67.*
5. Fang, Y., & Xiang, L. 2026. AI Era: Empowering Modern Education with Educational Philosophy of Ancient Chinese Shuyuan. *Education Insights, Vol. 3, No. 4, 37-43.*
6. Farakish, N., & Chae, H.S. 2026. Bloom's Taxonomy in the Generative AI Age. In: Guralnick, D., Auer, M.E., Poce, A. (eds*) Creativity and New Technologies in Learning for the Workplace and Higher Education*. TLIC 2025. Lecture Notes in Networks and Systems, vol 1701. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-032-09905-1_15.
7. Gardner, H. 2011. *Truth, Beauty, and Goodness Reframed: Educating for the Virtues in the Twenty-First Century*, Basic Books.
8. Hoa, D. T. P., Son, N. Q., Thuy, H. T. T., & Linh, D. T. 2025. Vietnam's Educational Policy System in the Era of National Rise. *Journal of Posthumanism, Volume 5, No 6, 479-488.*
9. Hossain, E. & Islam, A. 2024. AI and the Future of Education: Philosophical Questions about the Role of Artificial Intelligence in the Classroom. *IJRISS, Vol VIII, Issue IIIS, 5541-5547.*

10. Houlden, S., & Veletsianos, G. 2024. Radical imagination for a new social contract for education. *PROSPECTS, 54, 499 - 506*. https://doi.org/10.1007/s11125-024-09678-9
11. Jo, S. 2023. The Future of Problem: Focusing on the "Reimagining Our Futures Together: A New Social Contract for Education". *The Korean Association for the Study of Religious Education*. https://doi.org/10.58601/kjre.2023.09.30.07.
12. Morales, J.A.B. & Zarabadi, S. 2024. *Towards Posthumanism in Education, Theoretical Entanglements and Pedagogical Mappings*. New York: Routledge.
13. Locatelli. R. 2023. Renewing the social contract for education: Governing education as a common good. *PROSPECTS*. https://doi.org/10.1007/s11125-023-09653-w.
14. Nguyen, A., Le, T.T.D., Nguyen, N., & Le, D. 2025. Innovating Vietnam's Values Education through the Lens of Confucian Philosophy. *DMMMSU Research and Extension Journal, Volume 9, Issue 1, 22-43.*
15. Nguyen, P.T., Nguyen, K.H., & Nguyen, Q. 2025. Confucian Educational Thought and Its Relevance to Contemporary Vietnamese Education. *Philosophies, 10, 70.*
16. Nóvoa, A. 2023. Renewing the social contract for education: A personal point of view on the UNESCO report. *PROSPECTS.* https://doi.org/10.1007/s11125-023-09659-4.
17. OECD. 2025. *Education for Human Flourishing: A Conceptual Framework*. Paris: OECD Publishing.
18. Olson, R.S. 2025. On the Promotion of Human Flourishing in Education: Formative Concepts. *British Journal of Educational Studies, Vol 73, Issue 5, 615-635.*
19. Pham Thi, K. 2025. The relevance of John Dewey's pragmatism for educational innovation in contemporary Vietnam. *Cogent Education, Vol 12, Issue 1*.
20. Rahman, E., & Cochrane, T. 2023. Pedagogy and Indigenous knowing and learning. *Oxford Review of Education, Vol 49, No 4, 429 - 445.*
21. Schneider, S. 2025. *Philosophy of education in the age of AI, Open Access Government October 2025*, pp.272-273. Available at https://www.openaccessgovernment.org/article/philosophy-of-education-in-the-age-of-ai/197882/.
22. Singh, N., Gilead, T., Chakraborty, A., Van Herwegen, J., Van Atteveldt, N., Borst, G., Bugden, S., Jasińska, K., Kay, J., Pugh, K., & Duraiappah, A. 2025. A new education agenda based on The International Science and Evidence Based Education Assessment. *NPJ Science of Learning, Vol 10.*
23. Sharma, G., & Sayed, Y. 2024. Global governance and a new social contract for education: Addressing power asymmetries. *Prospects 54, 351-360*. https://doi.org/10.1007/s11125-024-09696-7.
24. UNESCO. 2021. *Reimagining our futures together. A new social contract for education*. Paris: UNESCO.
25. UNESCO. 2024. *Transforming Education Towards SDG 4: Report of a global survey on country actions to transform education*. Paris: UNESCO.
26. Uoc, T. M., Ai, L., & Binh, N. T. T. 2023. Educational philosophy for Vietnam in the present era. *Multidisciplinary Science Journal*. https://doi.org/10.31893/multiscience.2023062.